

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-11-2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 888/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Thanh C**, sinh năm 1956.

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: 356 đường Hùng Vương, khu phố K, thị trấn P, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn ông Lê Thanh C trình bày:*

Ông và bà Trần Thị N chung sống vào năm 1987, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh H (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 02 ngày 29/8/1987).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà N xem thường, chạy ra đường chửi bới ông. Ngoài

ra bà N tự quyết định mọi việc trong gia đình không hỏi ý kiến ông. Ông và bà N đã ly thân hơn 04 năm, mặc dù còn sống chung nhà. Nay ông C xin ly hôn với bà N vì vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau.

- Con chung: có 03 con gồm Lê Thanh S - sinh ngày 08/02/1988, Lê Thanh B- sinh ngày 05/01/1991 và Lê Thanh Minh Tr- sinh ngày 23/5/1995. Các con đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có.

Ông C xin vắng mặt khi xét xử vụ án.

* *Bị đơn bà Trần Thị N trình bày:*

Bà và ông Lê Thanh C thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1987 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh H.

Quá trình chung sống, vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì lớn. Từ trước đến nay mọi việc trong gia đình đều do bà lo toan, ông C không đi làm nên không phụ giúp bà về vấn đề kinh tế. Bà thừa nhận có 01 lần chạy ra đường đung chửi ông C, là do ông C nhiều lần chơi cá độ bị thua, chủ nợ đến nhà đòi tiền. Do bà buôn bán hủ tiếu xuyên đêm nên khoảng 02 năm nay vợ chồng không ăn chung, ngủ chung.

Nay ông C xin ly hôn, bà không đồng ý vì vợ chồng đã lớn tuổi.

- Con chung: có 03 con chung là Lê Thanh S- sinh ngày 08/02/1988, Lê Thanh B- sinh ngày 05/01/1991 và Lê Thanh Minh Tr- sinh ngày 23/5/1995. Do các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

Bà N có yêu cầu vắng mặt khi xét xử vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Ông Lê Thanh C và bà Trần Thị N tự nguyện chung sống vào năm 1987, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh H. Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động. Nguyên nhân mâu thuẫn là theo ông C khai là do bà N không tôn trọng ông, thường chửi bới ông, còn bà N khai là do ông C ham mê cá độ gây nợ nần. Ông C và bà N

sống ly thân đã 02 năm nay. Nay ông C xin ly hôn bà N, không tranh chấp tài sản chung, đương sự khai không có nợ chung. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Lê Thanh C và bà Trần Thị N có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Ông Lê Thanh C yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Trần Thị N. Do bà N đang thường trú và sinh sống tại khu phố K, thị trấn P, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là ông Lê Thanh C, bị đơn là bà Trần Thị N.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh C và bà Trần Thị N chung sống vào năm 1987, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 02 ngày 29/8/1987. Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986 thì hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay ông C xin ly hôn bà N vì mâu thuẫn đã kéo dài, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo ông C khai là do bà N xem thường, chửi bới ông nên vợ chồng ly thân nhau đã 04 năm. Bà N thừa nhận có lần ra đường chửi ông C, vì ông mê cá độ gây nợ nần, bà cũng thừa nhận 02 năm nay vợ chồng không còn ăn chung, không ngủ chung do bà bận buôn bán.

Xét thấy mặc dù ông C, bà N vẫn còn sống chung nhà nhưng ông bà không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cách nay 02 năm. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông C và bà N đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho ông C được ly hôn bà N là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Ông C và bà N khai có 03 con chung là Lê Thanh S- sinh ngày 08/02/1988, Lê Thanh B- sinh ngày 05/01/1991 và Lê Thanh Minh Tr- sinh ngày 23/5/1995. Xét thấy các con chung của ông C, bà N đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Tài sản chung: đương sự không yêu cầu nên không xét.

[6]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016, ông C thuộc đối tượng người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh C về việc “Ly hôn” đối với bị đơn bà Trần Thị N.

1. Xử: Cho ông Lê Thanh C được ly hôn bà Trần Thị N.

2. Về án phí: Ông Lê Thanh C được miễn án phí HNGĐ sơ thẩm.

Ông Lê Thanh C, bà Trần Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai

